

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 02 - 11 - 2023
V/v tranh chấp về ranh giới
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương.
- Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Lê Anh K, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số 612, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Anh K có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 225, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà T11 vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm: 1982. Chị D vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do;

2/ Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm: 1987. Chị H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

Cùng địa chỉ: Số 225, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Lê Anh K trình bày:

Năm 2020, anh Dương Lê Anh K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 93,2m² (trong đó đất ở 80m², đất CLN là 13,2m²), thuộc thửa đất số 98 và thửa đất số 85 cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Hiện anh K đang trực tiếp quản lý sử dụng cả hai thửa đất này, hai thửa đất trên liền kề nhau và không có ranh giới tách biệt.

Phần đất thửa số 98 của anh K tiếp giáp với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 do bà Nguyễn Thị Mộng T đứng tên quyền sử dụng. Khi anh K nhận chuyển nhượng có đo đạc thực tế, bà T11 có thống nhất ranh đất với anh K. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng, anh K cho rằng bà T1 có hành vi không tôn trọng ranh giới quyền sử dụng giữa hai thửa đất và lấn chiếm phần đất thuộc thửa số 98 của anh K. Hiện nay, anh K xác định bà T11 lấn sang phần đất của mình với diện tích lấn chiếm là 2,4m² thuộc phạm vi các mốc M11.M12.M13.M14.M17.M15.M16 về M11 theo Sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ký duyệt ngày 21/6/2023. Trên diện tích đất tranh chấp hiện có một phần mái trái khung sắt tiền chế, mái lợp tole.

Ngày 01/12/2022, Ủy ban nhân dân xã A, huyện L có mời anh K và bà T11 đến hòa giải tranh chấp thì bà T11 có thừa nhận lấn qua đất của anh K và đồng ý tháo dỡ một phần mái trái trả lại đất cho anh K nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa, anh K cho rằng khi anh K nhận chuyển nhượng phần đất này, bà T11 đã xây dựng phần mái trái tiền chế làm nhà bếp sử dụng trong gia đình. Anh K đã san lấp phần đất nhận chuyển nhượng xây gạch bó nền xung quanh chuẩn bị để sau này xây nhà ở. Sau khi, anh K bó nền phần đất của mình thì nhận thấy nếu anh K xây dựng nhà thì phần mái trái nhà bếp của bà T11 có nguy cơ đổ nước mưa vào chân tường nhà anh K gây tiếng ồn, hư hại tường nhà anh K; và bụi tre của bà T11 sẽ rụng lá lên mái nhà làm hư hỏng mái nhà của anh K sau này. Do anh K chuẩn bị xây nhà nên anh K khởi kiện yêu cầu bà T11 phải cắt bớt một phần mái trái và xác định ranh giới giữa phần đất của anh K và bà T11. Anh K còn yêu cầu bà T11 di dời đường dây dẫn điện từ trụ điện trước đất anh K nối vào nhà bà T11 ra khỏi phần đất phía trước nhà anh K. Anh K thống nhất chỉ trình bày nội dung yêu cầu này để biết chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K yêu cầu bà T11 tháo dỡ một phần mái trái trả anh K phần đất lấn chiếm có diện tích 2,4m² thuộc phạm vi các mốc M11.M12.M13.M14.M17.M15.M16 về M11; và yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14 của anh K với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 của bà T1 là đường nối các điểm từ M10.M11.M12.M13.M14.M17.M6.

Anh K thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/05/2023, Sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo Biên bản; Biên bản định giá ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập theo Quyết định số 61/2023/QĐ-ĐG, ngày 30/6/2023 của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn trình bày:

Giáp ranh với thửa đất số 86 của bà T11 là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14 do anh Dương Lê Anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất thửa số 86 là do anh K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của em gái bà T11 là bà Nguyễn Thị Hoài Thu vào năm 2022. Đối với mái trái khung tiền chế, lợp tole mà anh K cho rằng bà T11 đã lấn chiếm qua đất anh K, là do bà T11 dựng làm bếp ăn cho gia đình từ năm 2017 trước khi anh K nhận chuyển nhượng đất, nên bà T11 cho rằng mình không có lấn chiếm đất của anh K. Đối với bụi tre là của bà T11 trồng trên đất của bà T11 từ trước năm 1975 đến nay (bụi tre hiện nay bà T11 đang sử dụng).

Bà T11 sử dụng phần đất của mình từ năm 2005 đến nay, còn anh K mới nhận chuyển nhượng đất từ năm 2022 nên không có việc bà T11 lấn chiếm đất của anh K. Do đó, bà T11 không đồng ý việc anh K yêu cầu bà T11 trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Bà T11 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích D và chị Nguyễn Thị Diệu H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do.*

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành đúng quy định

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Yêu cầu số 300/YC-VKS-DS, ngày 24/10/2023 đề yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Nhưng đến nay, hồ sơ vụ án vẫn chưa thể hiện các tài liệu chứng cứ mà Viện kiểm sát đề nghị thu thập nên Kiểm sát viên không phát biểu về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ranh chấp tranh giới quyền sử dụng đất với bị đơn. Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ranh giới quyền

sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các diện tích đất đối tượng tranh chấp tọa lạc tại huyện L nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích D và chị Nguyễn Thị Diệu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T11, chị Diễm và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc của phần đất của anh K và bà T11 đều có ý kiến trình bày rõ ràng, không mâu thuẫn và tranh chấp gì về nội dung này nên không xem xét.

Việc anh K xác lập quyền sử dụng hai thửa đất số 98, 85 cùng tờ bản đồ 14 thông qua việc nhận chuyển nhượng từ chị em của bị đơn là bà T1, và bà T11 được nhận tặng cho từ chị em của mình là hợp pháp. Về trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng cho anh K đối với hai thửa đất 98, 85 cùng tờ bản đồ 14 và cho bà T11 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ 14 là đúng theo quy định. Nội dung này được chứng minh bằng tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được theo yêu cầu của nguyên đơn gồm: Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất các thửa đất đã nêu của cả hai bên và Công văn số 3642/CNVPĐKĐĐHLV-KTĐC, ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Từ đó đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 98, 85 cùng tờ bản đồ 14 của anh Dương Lê Anh K và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 86 cùng tờ bản đồ 14 của bà Nguyễn Thị T là hợp pháp.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất.

Nội dung này do các đương sự trình bày, lời trình bày của các bên không mâu thuẫn, các bên đương sự cũng không có ý kiến phản bác nhau, và cũng phù hợp với hồ sơ cấp đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, nên đủ cơ sở xác định bà T1 đã sử dụng phần đất này từ năm 2005 và anh K mới nhận chuyển nhượng và vào khai thác sử dụng đất của mình từ năm 2022.

[2.3] Về hiện trạng sử dụng đất và phần đất tranh chấp:

Theo lời trình bày của các đương sự, và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, xác định phần diện tích tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất nằm giữa thửa đất số 98, tờ bản đồ 14 của nguyên đơn là anh Dương Lê Anh K và thửa đất số 86, tờ bản đồ 14 của bà Nguyễn Thị Mộng T.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/05/2023, Sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo Biên bản được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, ký

duyet ngày 21/6/2023 (Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 21/6/2023), diện tích đất tranh chấp ranh giới giữa hai bên là $2,4\text{m}^2$ thuộc phạm vi các mốc M11.M12.M13.M14.M17.M15.M16 về M11 theo Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 21/6/2023.

[2.4] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn là anh Dương Lê Anh K cho rằng bị đơn là bà Nguyễn Thị Mộng T lấn chiếm quyền sử dụng đất của mình với diện tích cụ thể là $2,4\text{m}^2$ như đã nêu, và anh K xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 98, tờ bản đồ 14 của mình và thửa đất số 86 tờ bản đồ 14 của bà T11 là các đường thẳng nối các mốc M10.M11.M12.M13.M14.M17.M6 theo Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 21/6/2023. Anh K căn cứ vào Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai giữa anh K và bà T11 tại Ủy ban nhân dân xã A với nội dung: qua việc vận động của Hội đồng hòa giải, bà T11 đồng ý cho anh K cắt mái tole làm máng xối dẫn nước mưa ra phía sau; và việc dự đoán tình hình sử dụng đất dựa vào hiện trạng thực tế, mà anh K cho rằng nếu mình xây dựng nhà thì bị ảnh hưởng đến tường, mái nhà sau này. Ngoài ra anh K không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để xác định bà T11 có hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất như anh K đã xác định khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, sau khi đối chiếu diện tích được cấp quyền sử dụng và diện tích đo đạc thực tế khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất của nguyên đơn và bị đơn cho thấy:

- Diện tích được cấp quyền sử dụng thửa đất của anh Dương Lê Anh K đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14 là $93,2\text{ m}^2$; thửa đất của thửa đất số 85, tờ bản đồ số 14 là $55,5\text{ m}^2$. Tổng cộng cả hai thửa là $148,8\text{ m}^2$. Nhưng kết quả đo đạc thực tế phần đất do anh K đang quản lý sử dụng (thuộc hai thửa đất số 98 và 85 cùng tờ bản đồ số 14) có diện tích là $141,0\text{ m}^2$ (chưa bao gồm phần đất tranh chấp với bà T1), thiếu $7,8\text{m}^2$.

- Diện tích được cấp quyền sử dụng thửa đất của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 là $153,5\text{ m}^2$. Nhưng kết quả đo đạc thực tế phần đất do bà T1 đang quản lý sử dụng (thuộc hai thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14) có diện tích là $142,1\text{ m}^2$ (chưa bao gồm phần đất tranh chấp với anh K), thiếu $11,4\text{m}^2$.

Theo nội dung Công văn số 3642/CNVPĐKĐĐHLV-KTĐC, ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định việc phân đất đo đạc thực tế thiếu diện tích so với diện tích cấp quyền sử dụng là do Nhà nước làm công trình đường đal nông thôn.

Phần đất tranh chấp là $2,4\text{m}^2$, do anh K tự xác định, trên diện tích này có một phần mái trái của bà T11 dựng từ trước khi anh K vào sử dụng đất. Việc anh K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất này từ năm 2022, anh K đã xây bó nền kiên cố, bà T11 sử dụng đất và dựng mái trái tiền chế từ trước đó, khoảng năm 2005, nội dung này anh K cũng thừa nhận, nên không có căn cứ xác định bà T11 có hành vi lấn chiếm ranh giới khi sử dụng đất liền kề với anh K như anh K xác định.

Từ những phân tích trên, xác định anh K khởi kiện yêu cầu tranh chấp tranh giới với bà T11 đòi lại diện tích đất lấn chiếm là 2,4m² và yêu cầu xác định ranh giới giữa đất của anh K và bà T1 như trên, nhưng anh K không có chứng cứ chứng minh việc bà T11 có hành vi lấn chiếm như anh K xác định. Đồng thời anh K chỉ căn cứ vào dự đoán cho hiện trạng sử dụng đất sẽ gây thiệt hại cho anh K khi sau này anh K xây dựng nhà, đây là tình tiết chưa xảy ra không thể làm căn cứ xác định có việc lấn chiếm đất. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất đã ổn định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất là phù hợp với quy định tại Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về ranh giới giữa các bất động sản như sau:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, cắt, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[3] LỜI phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hợp lý. Tuy nhiên, do diện tích đất tranh chấp quá nhỏ để thể hiện cụ thể các mốc giới trên sơ đồ đo đạc theo yêu cầu của Viện kiểm sát, ngoài ra căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất đã ổn định đã được thể hiện đầy đủ trên Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 21/6/2023. Xét nội dung yêu cầu thu thập thêm chứng cứ của Viện kiểm sát là không cần thiết nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Do nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 174, 175, 176, 246 Bộ luật dân sự; Điều 170, 171 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Lê Anh K về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng Thu tháo dỡ một phần mái trái trái anh K phần đất lấn chiếm có diện tích 2,4m² thuộc phạm vi các mốc M11.M12.M13.M14.M17.M15.M16 về M11; và yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14 của anh K với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 của bà T1 là đường nối các điểm từ M10.M11.M12.M13.M14.M17 đến M6.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14 của anh Dương Lê Anh K với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 của bà Nguyễn Thị Mộng T, cả hai thửa đất đều tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đường nối các điểm từ M10.M11.M16.M15.M17 đến M6.

(Các điểm mốc được thể hiện theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L ngày 05/05/2023, và Sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ký duyệt ngày 21/6/2023)

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các đương sự được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng di dời các tài sản, công trình và vật kiến trúc khác của mình có trên phần đất vượt quá phạm vi ranh đất đã được xác định. Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Dương Lê Anh K phải chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền **3.863.000 đồng (Ba triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng)**, anh K đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Dương Lê Anh K phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)**. được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0016483, ngày 07/3/2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh K đã nộp xong.

4. Anh Dương Lê Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân